

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2015/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm,
dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn xác định chi phí tiền lương làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt dự toán giá của sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước (*sau đây gọi tắt là sản phẩm, dịch vụ công ích*) để đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc Danh mục A và Danh mục B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người lao động tham gia thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết định giá sản phẩm, dịch vụ công ích và thanh toán sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 3. Căn cứ xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích được xác định căn cứ vào định mức lao động và tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ và lao động quản lý (gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên; Kiểm soát viên; Tổng giám đốc hoặc Giám đốc; Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc; Kế toán trưởng) tham gia thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Định mức lao động do Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành làm cơ sở để xác định tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích phải bảo đảm mức trung bình tiên tiến.

3. Tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ bình quân xác định trên cơ sở hệ số lương cấp bậc, chuyên môn, nghiệp vụ, hệ số phụ cấp lương của lao động thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích nhân với mức lương cơ sở do Chính phủ quy định và hệ số điều chỉnh tăng thêm theo từng vùng; tiền lương của lao động quản lý được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản theo hạng tổng công ty và công ty đòi hỏi để thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích. Hệ số lương, hệ số phụ cấp lương của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ và mức lương cơ bản của lao động quản lý quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Định mức lao động

1. Trên cơ sở định mức lao động hiện hành, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, sửa đổi định mức lao động cho phù hợp, bổ sung và ban hành định mức lao động mới, bảo đảm mức trung bình tiên tiến làm cơ sở cho việc xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Căn cứ khối lượng, yêu cầu công việc của sản phẩm, dịch vụ công ích và hệ thống định mức lao động đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung để xác định hao phí lao động tổng hợp cho sản phẩm, dịch vụ công ích và được quy đổi ra ngày công.

3. Trường hợp năm 2015 chưa hoàn thành việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung định mức lao động theo Khoản 1 Điều này thì định mức lao động để tính tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2015 không vượt quá mức đã tính trong giá sản phẩm dịch vụ công ích của năm 2014.

Điều 5. Xác định tiền lương của các loại lao động trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất; lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích được xác định theo công thức sau:

$$V_{ld} = T_{ld} \times \frac{(H_{cb} + H_{pc}) \times ML_{cs} \times (1 + H_{dc}) + CD_{\text{ăn ca}} + CD_{\text{khác}}}{26 \text{ ngày}} \quad (1)$$

Trong đó:

a) V_{ld} là tiền lương của từng loại lao động tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích;

b) T_{ld} là tổng số ngày công định mức lao động của từng loại lao động do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành để thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích;

c) H_{cb} là hệ số lương cấp bậc công việc bình quân theo định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành trên cơ sở hệ số lương của từng loại lao động quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) H_{pc} là hệ số phụ cấp lương tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích, bao gồm: phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phụ cấp khu vực; phụ cấp lưu động; phụ cấp trách nhiệm công việc; phụ cấp chức vụ; phụ cấp thu hút và hệ số không ổn định sản xuất (nếu có) quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) ML_{cs} là mức lương cơ sở do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ (từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, mức lương cơ sở là 1.150.000 đồng/tháng được quy định tại Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang);

e) H_{dc} là hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không vượt quá hệ số 1,2 đối với địa bàn thuộc vùng I; không quá hệ số 0,9 đối với địa bàn thuộc vùng II; không quá hệ số 0,7 đối với địa bàn thuộc vùng III và không quá hệ số 0,5 đối với địa bàn thuộc vùng IV.

Địa bàn thuộc vùng I, II, III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định (từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, thực hiện theo Nghị định số 103/2014/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ);

f) $CD_{\text{ăn ca}}$ là tiền ăn giữa ca của từng loại lao động theo quy định hiện hành;

g) $CD_{\text{khác}}$ là các chế độ khác của từng loại lao động (nếu có) theo quy định hiện hành.

2. Tiền lương của lao động quản lý được xác định theo công thức sau:

$$V_{ql} = T_{ql} \times \frac{TL_{cb} + CD_{\text{ăn ca}} + CD_{\text{khác}}}{26 \text{ ngày}} \quad (2)$$

Trong đó:

a) V_{ql} là tiền lương của lao động quản lý tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích đang trích lập dự toán theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng thì tiền lương của lao động quản lý được tính trong chi phí chung;

b) T_{ql} là tổng số ngày công định mức lao động của lao động quản lý do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành để thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích;

c) TL_{cb} là mức lương cơ bản bình quân theo tháng của lao động quản lý do Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không vượt quá mức lương cơ bản quy định tại Mục IV Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) $CD_{\text{ăn ca}}$ là tiền ăn giữa ca của lao động quản lý theo quy định hiện hành;

đ) $CD_{\text{khác}}$ là các chế độ khác của lao động quản lý (nếu có) theo quy định hiện hành.

3. Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích đặc thù hoặc sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trên các địa bàn đòi hỏi chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích cao hơn mức quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định mức cụ thể, thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi quyết định để bảo đảm cân đối chung.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành định mức lao động mới theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Thông tư này;

b) Quy định, hướng dẫn xác định chi phí tiền lương đối với từng sản phẩm, dịch vụ công ích cụ thể;

c) Tiếp nhận báo cáo của đơn vị thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích, đánh giá tình hình thực hiện tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích đã ký hợp đồng thầu hoặc đặt hàng, giao kế hoạch năm trước liền kề và tổng hợp báo cáo theo Biểu mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

2. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích

a) Căn cứ vào quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với từng sản phẩm, dịch vụ công ích cụ thể để tính toán, xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích làm cơ sở đấu thầu hoặc báo cáo Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đặt hàng, giao kế hoạch;

b) Xác định tiền lương được hưởng, tạm ứng tiền lương theo khối lượng, chất lượng và tiến độ thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích; thực hiện trả lương cho người lao động theo quy chế trả lương của đơn vị;

c) Đánh giá tình hình thực hiện tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích theo hợp đồng (trường hợp trúng thầu) hoặc theo quyết định đặt hàng, giao kế hoạch năm trước liền kề và báo cáo theo Biểu mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

3. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tham gia ý kiến với Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc xác định tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư này;

b) Tiếp nhận báo cáo đánh giá của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015.

2. Việc điều chỉnh giá sản phẩm, dịch vụ công ích do xác định tiền lương theo quy định tại Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích theo hình thức đấu thầu thì việc điều chỉnh giá được thực hiện theo Luật đấu thầu và các văn bản có liên quan;

b) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích theo hình thức đặt hàng thì việc điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản có liên quan;

c) Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích theo hình thức giao kế hoạch thì việc điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu khi thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định tại Thông tư này thì quỹ tiền lương thực hiện tương ứng với khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được xác định theo mức độ hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích đã được Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt hàng, giao kế hoạch hoặc theo hợp đồng thầu.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Minh Huân